

Bản án số: 297/2022/DS-ST

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư
2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2022/TLST-DS ngày 18/01/2022, về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số X đường, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị A (Giấy ủy quyền ngày 05/01/2022). *(có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số Y đường Z, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ T có bà Lê Thị A là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 27/01/2021, bà Vũ T có cho bà Trần Thị B vay tiền số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất là 2%/tháng, bà Trần Thị B cam kết thời hạn trả là trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày 27/01/2021 đến 27/07/2021 và có ghi nhận bằng giấy mượn tiền viết tay.

Đến ngày 27/05/2021, bà Trần Thị B tiếp tục vay tiền của bà Vũ T với số

tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với lãi suất là 2%/tháng và cam kết thời hạn trả là trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày 27/05/2021 đến ngày 27/05/2022, có ghi nhận lại bằng giấy mượn tiền viết tay.

Tổng cộng hai lần số tiền bà Trần Thị B vay của bà Vũ T là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), chưa bao gồm tiền lãi.

Đến nay cả hai khoản vay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Trần Thị B vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà Vũ T.

Tính đến thời điểm khởi kiện, bà Vũ T đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 tuyên buộc bà Trần Thị B phải thanh toán số tiền còn nợ bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi của hai khoản vay cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc, tiền lãi của khoản vay trên Giấy mượn tiền ngày 21/01/2021 (Thời hạn thanh toán từ ngày 21/01/2021 – 21/07/2021) và tiền lãi chậm trả cho đến ngày thực hiện nghĩa vụ, tạm tính đến ngày văn bản khởi kiện là: 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

- Tiền nợ gốc và tiền lãi của khoản vay trên Giấy mượn tiền ngày 27/05/2021 (Thời hạn thanh toán từ ngày 27/05/2021 – 27/05/2022) cho đến ngày thực hiện nghĩa vụ, tạm tính đến ngày văn bản khởi kiện là: 226.666.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bà Trần Thị B phải thanh toán tạm tính đến ngày khởi kiện là 341.666.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Bị đơn bà Trần Thị B trình bày: Bà Trần Thị B xác nhận có viết 02 giấy vay tiền theo như nguyên đơn trình bày, cụ thể là:

- Giấy vay tiền ngày 27/01/2021, nội dung bà Trần Thị B vay của bà Vũ T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 27/01/2021 đến ngày 27/7/2021.

- Giấy vay tiền ngày 27/05/2021, nội dung bà Trần Thị B vay của bà Vũ T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm, từ ngày 27/5/2021 đến ngày 27/5/2022.

Tổng cộng số tiền gốc bà Trần Thị B vay của bà Vũ T là 300.000.000 đồng.

Sau khi vay thì do dịch bùng phát nên không làm ăn được nên bà Trần Thị B chưa có điều kiện trả nợ cho bà Vũ T.

Bà Trần Thị B xác nhận đến nay còn nợ bà Vũ T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính theo đơn khởi kiện của bà T là 41.666.000 đồng.

Nay bà Trần Thị B đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên cho bà Vũ T, tuy nhiên do đang khó khăn về tài chính nên bà Trần Thị B đề nghị bà T hỗ trợ cho trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi như sau: đối với lãi suất trong hạn thì yêu cầu tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 20%/năm tương đương là 1,66%/tháng, kể từ khi hết thời hạn vay theo hai giấy mượn tiền đến ngày xét xử thì yêu cầu tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 là 10%/năm tương đương là 0,83%/tháng, giữ

nguyên yêu cầu đối với số tiền nợ gốc. Cụ thể số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán như sau:

- Đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng có thời hạn vay từ ngày 27/01/2021 đến ngày 27/7/2021, số tiền lãi trong hạn là 100.000.000 đồng x 6 tháng x 1,66%/tháng = 9.960.000 đồng; số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 28/7/2021 đến ngày xét xử 28/7/2022 là 12 tháng, số tiền là 100.000.000 đồng x 12 tháng x 0,83%/tháng = 9.960.000 đồng; tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 119.920.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng có thời hạn vay ngày 27/5/2021 đến ngày 27/5/2022, số tiền lãi trong hạn là 200.000.000 đồng x 12 tháng x 1,66%/tháng = 39.840.000 đồng; số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày xét xử 28/7/2022 là 02 tháng, số tiền là 200.000.000 đồng x 02 tháng x 0,83%/tháng = 3.320.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 243.160.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi của hai khoản vay tính đến ngày 28/7/2022 nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 363.080.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định; Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vũ T thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bà Trần Thị B hiện đang cư trú tại Quận 8 nên căn cứ theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Trần Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị B là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị B có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất

2%/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu bà Trần Thị B phải thanh toán tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,66%/tháng, đối với tiền lãi khi hết thời hạn vay đến ngày xét xử là 0,83%/tháng. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, bà Trần Thị B thừa nhận có viết giấy mượn tiền ngày 27/01/2021 nội dung là vay của bà Vũ T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 2%/tháng và giấy mượn tiền ngày 27/5/2021 nội dung là vay của bà Vũ T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giao dịch dân sự về vay tài sản giữa bà Vũ T và bà Trần Thị B là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Trần Thị B cũng xác nhận đến nay còn nợ gốc và lãi như bà T yêu cầu. Xét nội dung hai giấy mượn tiền thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất và về thời hạn trả nợ, việc bà Trần Thị B không trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy việc bà Vũ T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo các giấy mượn tiền ngày 27/01/2021 và giấy mượn tiền ngày 27/5/2021 là có cơ sở để chấp nhận.

Về số tiền lãi suất nguyên đơn yêu cầu: theo các giấy mượn tiền thì các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, xét thấy mức lãi suất này là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với mức lãi suất trong hạn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng, đối với khoảng thời gian từ khi hết thời hạn vay đến khi xét xử yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên có cơ sở để chấp nhận.

Cụ thể như sau:

- Đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng có thời hạn vay từ ngày 27/01/2021 đến ngày 27/7/2021, số tiền lãi trong hạn là $100.000.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 28/7/2021 đến ngày xét xử 28/7/2022 là 12 tháng, số tiền là $100.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$; tổng cộng là 19.920.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng có thời hạn vay ngày 27/5/2021 đến ngày 27/5/2022, số tiền lãi trong hạn là $200.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 39.840.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày xét xử 28/7/2022 là 02 tháng, số tiền là $200.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 3.320.000 \text{ đồng}$; tổng cộng là 43.160.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay tính đến ngày 28/7/2022 là 63.080.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi mà bị đơn bà bà Trần Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Vũ T tính đến ngày 28/7/2022 là 363.080.000 đồng.

[4]. Xét yêu cầu của bà Trần Thị B xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[5]. Xét nguyên đơn xác định số tiền cho bị đơn mượn là tài sản cá nhân, không liên quan đến người khác và chỉ yêu cầu một mình bị đơn phải trả tiền mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng trả tiền. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn mà không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[6]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Vũ T không phải chịu án phí, bị đơn là bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 18.154.000 đồng.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ T.

Buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Vũ T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 63.080.000 đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), tổng cộng là 363.080.000 đồng

(Ba trăm sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.154.000 đồng (Mười tám triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Vũ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.541.650 đồng (Tám triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0016264 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Quân